TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI,TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2019/DS-ST
Ngày 29-11-2019
V/v trA chấp hợp đồng hụi

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Nguyễn Văn Hiển

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi ThA Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2019/TLST - DS ngày 17 tháng 6 năm 2019 về "trA chấp hợp đồng hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 464/2019/QĐXXST – DS ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Kim A, sinh năm 1958 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Hồng T (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp MĐB, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Nguyễn Kim A trình bày*: Vợ chồng ông Lê Văn H và bà Nguyễn Hồng T có làm chủ đầu thảo hụi, bà A là hụi viên có tham gia hụi cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất mở ngày 20/3/2016 âm lịch, hụi 500.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, tổng có 36 chưng, bà tham gia tham gia 01 chưng, đóng hụi 35 lần, hốt hụi vào lần 36 được số tiền 17.500.000 đồng trừ tiền hoa hồng 300.000 đồng còn lại 17.200.000 đồng ông H và bà T không giao hụi. Hụi mãn ngày 20/3/2019.

- Dây hụi thứ hai mở ngày 05/02/2017 âm lịch, hụi 500.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, tổng có 35 chưng, bà tham gia tham gia 01 chưng, đóng hụi 19 lần được số tiền 9.500.000 đồng thì bà T tuyên bố đình hụi.

- Dây thứ ba mở ngày 30/7/2017 âm lịch, hụi 500.000 đồng, mỗi tháng khui hai lần vào ngày 30 và 15 hàng tháng, tổng có 33 chưng, bà tham gia tham gia 01 chưng, đóng hụi 22 lần, đến lần 23 bà bỏ hụi 100.000 đồng hốt hụi được số tiền 15.000.000 đồng trừ hoa hồng là 300.000 đồng và trừ 10 lần chưng hụi chết phải đóng sau đó còn lại 9.7000.000 đồng bà T có giao cho bà 3.000.000 đồng còn lại 6.700.000 đồng cho đến nay không giao. Hụi mãn ngày 15/12/2018. Tổng số tiền hụi ông H và bà T nợ bà là 33.400.000 đồng.

Ngoài ra, ông H và bà T có vay và mượn tiền của bà các lần như sau: Tiền vay: Ngày 11/12/2016 âm lịch vay 3.000.000 đồng, lãi suất 22.000 đồng/ ngày.

Ngày 20/12/2016âm lịch vay 2.000.000 đồng, lãi suất 15.000 đồng/ ngày. Ngày 28/12/2017 âm lịch vay 2.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/ ngày. Ngày 16/8/2017 dương lịch vay 15.000.000 đồng, lãi suất 8%/ tháng. Quá trình vay có đóng lãi vài lần nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Tiền mượn 1.500.000 đồng không nhớ ngày tháng năm. Tháng 12/ 2018 âm lịch mượn hai lần mỗi lần 3.000.000 đồng, tổng cộng là 6.000.000 đồng. Tháng 02/2019 mượn 3.300.000 đồng. Tổng tiền vay, mượn là 32.800.000 đồng. Tổng cộng tiền hụi và tiền vay, mượn ông H và bà T còn nợ bà là 66.200.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà A chỉ yêu cầu ông H và bà T trả cho bà tiền hụi là 30.900.000 đồng. Đối với tiền vay yêu cầu theo giấy giao kèo tiền vay giữa bà A và bà T tổng cộng là 22.000.000 đồng. Đối với các khoản tiền hụi đã lâu là 6.000.000 đồng, tiền mượn 1.500.000 đồng không nhớ ngày tháng năm, tiền mượn 6.000.000 đồng và 3.300.000 đồng của ông H và bà T bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Lê Văn H và bà Nguyễn Hồng T*: Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Kim A có đơn xin từ chối tham gia tố tụng, ông Lê Văn H và bà Nguyễn Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Kim A khởi kiện ông Lê Văn H, bà Nguyễn Hồng T về việc đòi lại tiền hụi, vay tài sản nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng hụi theo quy định tại Điều 471 và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] Về phạm vi khởi kiện của đương sự: Thấy rằng tại đơn khởi kiện ngày 17/6/2019 bà Nguyễn Kim A có yêu cầu ông Lê Văn H và bà Nguyễn Hồng T trả cho bà các khoản tiền như hụi, tiền vay và tiền mượn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà A rút lại một phần các yêu cầu. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà A là tự nguyện, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà A về việc yêu cầu ông H và bà T phải trả cho bà tiền hụi là 6.000.000 đồng và tiền mượn tổng cộng là 10.800.000 đồng. Bà A không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[4] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim A khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn H và bà Nguyễn Hồng T và là chủ hụi trả lại các khoảng nợ hụi như bà A đã trình bày nêu trên, cụ thể: Hụi 500.000 đồng mở ngày 20/3/2016 âm lịch còn nợ 17.200.000 đồng. Hụi 500.000 đồng mở ngày 05/02/2017 âm lịch. Quá trình giải quyết vụ án, bà A xác định chỉ yêu cầu trả lại số tiền thực tế góp vào 19

lần bằng 7.000.000 đồng. Hụi 500.000 đồng mở ngày 30/7/2017 âm lịch, còn nợ lại 6.700.000 đồng.

Đối với tiền vay, ông H và bà T còn nợ theo giấy giao kèo tiền vay giữa bà A và bà T tổng cộng là 22.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền hụi và tiền vay ông H và bà T còn nợ bà là 52.900.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ bà A cung cấp là giấy hụi 500.000 đồng ngày 20/3/2016 âl, giấy hụi 500.000 đồng ngày 05/02/2017 âl, giấy hụi 500.000 đồng ngày 30/7/2017 âl có xác nhận của chính quyền ấp; giấy giao kèo tiền vay ngày 16/8/2017 thể hiện nội dung bà T có vay số tiền trên của bà A. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp và hòa giải và thông báo tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông H và bà T không có ý kiến giải trình, không có ý kiến phản bác nội dung bà A khởi kiện. Điều này cho thấy ông H và bà T chấp nhận chứng cứ của bà A giao nộp cho Tòa án và chấp nhận còn nợ bà tổng số tiền hụi và tiền vay bằng 52.900.000 đồng. Từ các cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A kiện ông H và bà T đòi lại số tiền 52.900.000 đồng là có căn cứ.

Đối với tiền lãi suất các đương sự không đăt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông H và bà T phải chịu án phí 5% trên số tiền phải trả cho bà A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 và Điều Điều 463 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Kim A về việc yêu cầu ông Lê Văn H và bà Nguyễn Hồng T phải trả cho bà Nguyễn Kim A số tiền hụi là 6.000.000 đồng và tiền mượn tổng cộng là 10.800.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim A.

Buộc ông Lê Văn H và bà Nguyễn Hồng T phải trả cho bà Nguyễn Kim A tổng số tiền nợ hụi và tiền vay là 52.900.000 đồng (năm mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng ông H và bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.645.000 đồng (hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Biện Thị Nhung

Thành viên

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hội đồng xét xử

…… …….. Biện Thị Nhung